TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 23/2025QĐST- HNGĐ	*Y, ngày 27 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2025/TLST- HNGĐ ngày 06/3/2025 về Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn Vạn Lê, xã V, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1994

Địa chỉ: xóm 1A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Lê Văn T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Minh N, sinh ngày 25/8/2022. Hiện nay cháu N đang ở với chị D. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị D và anh T tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị D và anh Lê Văn T đều xác định không có, nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị D và anh Lê Văn T thống nhất thỏa thuận chị D nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số BLTU/23 số 0001811 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Chị D được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB (1).*
- *VKSND huyên Y (3).*
- *CCTHADS huyện Y (1).*
- *UBND xã K*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Thẩm phán

Đã ký

Nguyễn Thị Bích T